

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	050001	HỒ PHẠM CHÂU AN	Nữ	28/05/2010	7.64	7.05	6.6	6.6	6.97	5.00	2.25	4.25	0.0	0.0	10.14	
2	050002	NGUYỄN THỊ TÂM AN	Nữ	03/07/2010	5.44	5.63	5.04	6.18	5.57	5.25	1.75	3.25	0.0	0.0	8.85	
3	050003	NGUYỄN THỊ THANH AN	Nữ	11/10/2010	6.91	6.09	6.01	5.54	6.14	5.25	0.00	4.25	0.0	0.0	8.49	Liệt
4	050004	TRƯƠNG QUỲNH AN	Nữ	04/03/2010	8.39	8.33	8.85	8.63	8.55	5.50	7.50	6.50	0.0	0.0	16.22	
5	050005	DANH THỊ DIỆU ANH	Nữ	21/06/2010	6.93	7.64	7.25	7.19	7.25	3.50	4.00	5.00	1.0	0.0	11.93	
6	050006	HỒ DUY ANH	Nam	20/11/2010	6.03	5.96	5.99	5.93	5.98	3.00	2.50	2.75	0.0	0.0	7.57	
7	050007	HỒ NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	11/01/2010	5.95	6.29	6.31	6.81	6.34	4.50	3.25	3.75	0.0	0.0	9.95	
8	050008	LÊ KỶ ANH	Nữ	25/12/2010	8.23	7.99	7.79	7.49	7.88	6.50	6.00	5.50	0.0	0.0	14.96	
9	050009	LÊ THỊ LAN ANH	Nữ	11/10/2010	7.26	7.74	8.05	8.54	7.9	7.00	3.50	4.00	0.0	0.0	12.52	
10	050010	NGÔ THANH TRÂM ANH	Nữ	02/02/2010	9.13	9.01	8.51	8.9	8.89	6.75	6.25	6.50	0.0	0.0	16.32	
11	050011	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	Nữ	16/02/2010	9.46	9.28	9.35	9.25	9.34	6.50	6.50	8.00	0.0	0.0	17.50	
12	050012	NGUYỄN NHẬT KIM ANH	Nữ	01/02/2010	7.76	8.21	8.24	8.24	8.11	6.25	5.25	6.00	0.0	0.0	14.68	
13	050013	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	02/08/2010	8.69	8.49	8.23	8.9	8.58	7.50	5.25	6.00	0.0	0.0	15.70	
14	050014	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	15/01/2010	6.93	6.54	6.48	6.94	6.72	3.00	6.00	3.25	0.0	0.0	10.59	
15	050015	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	12/01/2010	6.9	6.68	6.14	6.35	6.52	4.75	2.75	5.00	0.0	0.0	10.71	
16	050016	PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	18/08/2010	9.16	8.96	9.15	9.58	9.21	8.00	6.50	7.25	0.0	0.0	17.99	
17	050017	TRẦN NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	27/09/2010	8.76	8.4	8.31	8.55	8.51	7.25	7.25	7.75	0.0	0.0	18.13	
18	050018	TRIỆU NGUYỄN TIỂU ANH	Nữ	29/11/2010	6.04	6.3	6.44	7.46	6.56	6.25	3.75	3.00	0.0	0.0	11.07	
19	050019	TRÌNH VĂN TUẤN ANH	Nam	14/11/2010	8.88	8.13	8.38	8.41	8.45	6.50	7.25	7.00	0.0	0.0	17.06	
20	050020	VÕ BẢO ANH	Nữ	04/02/2010	8.69	8.14	8.2	8.04	8.27	6.50	5.75	2.75	0.0	0.0	12.98	
21	050021	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	25/02/2010	7.25	7.7	7.55	8.21	7.68	6.50	5.00	4.75	0.0	0.0	13.68	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
22	050022	NGUYỄN DUY ÂN	Nam	14/05/2010	6.54	6.99	7.2	7.5	7.06	5.25	5.50	5.50	0.0	0.0	13.49	
23	050023	NGUYỄN TRƯỜNG BÁCH	Nam	02/11/2010	9.24	8.88	8.69	8.43	8.81	5.50	4.75	5.50	0.0	0.0	13.67	
24	050024	DƯƠNG GIA BẢO	Nam	08/12/2010	6.61	6.19	6.83	7.25	6.72	5.50	4.25	6.00	0.0	0.0	13.04	
25	050025	ĐẶNG HOÀI BẢO	Nam	29/04/2010	6.58	7.05	7.1	7.73	7.12	5.25	5.50	5.50	0.0	0.0	13.51	
26	050026	ĐIỀN THIÊN BẢO	Nam	30/01/2010	8.73	8.8	8.55	8.91	8.75	6.75	8.25	7.00	0.0	0.0	18.03	
27	050027	HUỲNH QUÂN BẢO	Nam	06/02/2010	8.03	7.86	8.01	8.15	8.01	4.00	5.25	4.75	0.0	0.0	12.20	
28	050028	NGUYỄN QUỐC BẢO	Nam	23/04/2010	7.39	8.41	8.59	8.88	8.32	5.50	5.25	4.75	0.0	0.0	13.35	
29	050029	PHẠM GIA BẢO	Nam	09/03/2010	5.73	6.5	6.25	6.76	6.31	4.50	4.00	2.00	0.0	0.0	9.24	
30	050030	QUÁCH TRẦN KHÁNH BĂNG	Nữ	14/06/2010	7.41	7.2	6.93	6.98	7.13	6.25	3.50	4.25	0.0	0.0	11.94	
31	050031	CÙ LÊ DUY BĂNG	Nam	13/03/2010	6.43	6.21	5.84	6.08	6.14	5.00	2.75	3.50	0.0	0.0	9.72	
32	050032	NGUYỄN NGỌC NHƯ BÌNH	Nữ	15/04/2010	7.54	7.03	6.81	7.38	7.19	6.92	5.25	6.00	0.0	0.0	14.88	
33	050033	NGUYỄN NGỌC Y BÌNH	Nữ	15/04/2010	7.6	7.05	6.74	7.35	7.19	5.50	5.00	3.75	0.0	0.0	12.13	
34	050034	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	30/06/2010	7.33	8.45	8.71	8.91	8.35	6.75	7.75	7.25	0.0	0.0	17.73	
35	050035	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	03/10/2010	7.68	8.14	7.63	7.38	7.71	6.25	3.25	4.25	0.0	0.0	11.94	
36	050036	TỪ NGỌC BÍCH	Nữ	28/11/2010	8.16	8.64	8.83	8.59	8.56	6.00	6.75	5.25	0.0	0.0	15.17	
37	050037	NGUYỄN THỊ HỒNG CẨM	Nữ	20/06/2010	6.85	6.54	6.79	7.16	6.84	7.00	3.75	2.75	0.0	0.0	11.50	
38	050038	HUỲNH NGỌC CHÂU	Nữ	02/11/2010	6.68	7.13	7.33	7.09	7.06	6.25	1.25	3.00	0.0	0.0	9.47	
39	050039	NGUYỄN THÁI MINH CHÂU	Nữ	02/07/2010	8.58	8.39	8.74	8.69	8.6	6.92	7.25	7.00	0.0	0.0	17.40	
40	050040	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	Nữ	25/09/2010	6.79	6.43	7.94	8.3	7.37	6.25	5.75	3.75	0.0	0.0	13.24	
41	050041	PHAN NGỌC CHÂU	Nữ	03/12/2009	7.05	6.8	7.19	7.2	7.06	7.00	4.25	3.25	0.0	0.0	12.27	
42	050042	HỒ TRÚC CHI	Nữ	01/10/2010	8.34	6.81	7.51	7.48	7.54	6.50	6.75	3.75	0.0	0.0	14.16	
43	050043	VÔ THÀNH CÔNG	Nam	31/07/2010	5.94	6.45	6.79	6.56	6.44	4.50	5.00	2.50	0.0	0.0	10.33	
44	050044	NGUYỄN PHI CƯỜNG	Nam	28/11/2010	6.78	6.98	7.43	7.86	7.26	6.25	8.00	6.75	0.0	0.0	16.88	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
45	050045	TRƯƠNG MẠNH CƯỜNG	Nam	24/01/2010	7.73	6.85	7.44	7.48	7.38	4.50	5.50	3.00	0.0	0.0	11.31	
46	050046	ĐỒNG VĂN DANH	Nam	25/09/2010	5.85	5.9	6.39	6.69	6.21	6.00	2.75	2.75	0.0	0.0	9.91	
47	050047	PHẠM VÕ THÀNH DANH	Nam	07/10/2010	7.16	7	6.33	7.58	7.02	6.75	6.00	5.50	0.0	0.0	14.88	
48	050048	TRẦN THANH DÂN	Nam	24/12/2010	5.44	5.25	5.84	5.69	5.56	2.75	3.00	3.75	0.0	0.0	8.32	
49	050049	LÊ THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	15/12/2010	6.74	6.26	6.21	6.93	6.54	6.00	4.50	3.00	0.0	0.0	11.41	
50	050050	NGUYỄN THỊ DIỆU	Nữ	27/08/2009	5.65	6.38	5.84	6.65	6.13	4.75	2.00	2.75	0.0	0.0	8.49	
51	050051	NGÔ PHƯƠNG DUNG	Nữ	20/09/2010	7.49	7.65	8	8.04	7.8	6.00	5.00	4.00	0.0	0.0	12.84	
52	050052	ĐẶNG NGUYỄN KHÁNH DUY	Nam	27/07/2010	6.86	5.7	6.46	6.36	6.35	3.00	2.75	2.50	0.0	0.0	7.68	
53	050053	LÊ MINH DUY	Nam	18/10/2010	5.84	5.88	6.6	6.85	6.29	4.25	2.00	2.25	0.0	0.0	7.84	
54	050054	NGUYỄN ANH DUY	Nam	22/09/2010	8.08	7.56	6.6	7.71	7.49	5.50	4.50	3.00	0.0	0.0	11.35	
55	050055	NGUYỄN KHÁNH DUY	Nam	04/06/2010	8.13	7.81	8.05	7.68	7.92	6.25	4.75	5.50	0.0	0.0	13.93	
56	050056	NGUYỄN KHÁNH DUY	Nam	27/11/2010	7.03	6.39	7.15	7.76	7.08	6.25	5.25	3.50	0.0	0.0	12.62	
57	050057	PHAN HOÀNG DUY	Nam	09/10/2010	8.61	8.6	9.08	8.49	8.7	5.75	4.50	6.75	0.0	0.0	14.51	
58	050058	PHẠM NGUYỄN HOÀNG DUY	Nam	08/08/2010	5.54	6.64	6.38	6.65	6.3	4.50	3.50	3.00	0.0	0.0	9.59	
59	050059	LÊ MỸ DUYÊN	Nữ	09/08/2010	7.61	7.56	8.39	8.4	7.99	6.50	6.50	5.75	0.0	0.0	15.52	
60	050060	PHẠM KỶ DUYÊN	Nữ	25/04/2010	7.03	7.5	7.45	7.33	7.33	5.25	4.25	4.00	0.0	0.0	11.65	
61	050061	PHẠM TRÍ DŨNG	Nam	24/03/2010	5.98	6.46	6.89	6.99	6.58	5.25	3.00	3.75	0.0	0.0	10.37	
62	050062	TRẦN THÁI DƯƠNG	Nam	25/07/2010	7.69	7.49	7.89	7.84	7.73	6.50	1.50	3.25	0.0	0.0	10.19	
63	050063	DƯƠNG DOANH DỰ	Nam	30/09/2010	7.99	7.55	7.36	7.4	7.58	5.50	4.00	2.50	0.0	0.0	10.67	
64	050064	NGUYỄN CÔNG DỰ	Nam	28/09/2010	7.46	8.75	8.54	8.03	8.2	4.25	6.00	6.50	0.0	0.0	14.19	
65	050065	NGUYỄN NGỌC NHÀ ĐAN	Nữ	24/03/2010	7.84	7.25	7.6	7.16	7.46	5.75	4.75	6.00	0.0	0.0	13.79	
66	050066	ĐẶNG PHÁT ĐẠT	Nam	09/11/2010	7.05	6.94	7.2	7.56	7.19	5.25	6.25	3.25	0.0	0.0	12.48	
67	050067	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	Nam	23/03/2010	6.66	6.96	7.13	7.39	7.04	4.50	4.50	4.00	0.0	0.0	11.21	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
68	050068	ĐINH QUANG ĐẠT	Nam	04/03/2010	6.94	6.49	6.78	7.34	6.89	5.00	2.50	4.75	0.0	0.0	10.64	
69	050069	HUỶNH THANH ĐẠT	Nam	11/06/2010	6.13	5.59	5.21	5.94	5.72	4.00	1.50	4.50	0.0	0.0	8.72	
70	050070	LÝ THÀNH ĐẠT	Nam	14/10/2010	6.56	6.56	6.29	6.48	6.47	3.75	1.00	3.50	0.0	0.0	7.72	
71	050071	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Nam	21/03/2010	7.69	7.83	7.28	7.85	7.66	6.00	5.50	4.25	0.0	0.0	13.32	
72	050072	NGUYỄN TÂN ĐẠT	Nam	01/08/2010	6.84	7.83	8.51	8.76	7.99	7.25	6.00	6.25	0.0	0.0	16.05	
73	050073	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	22/10/2009	6.29	6.9	6.85	6.4	6.61	3.50	0.00	1.50	0.0	0.0	5.48	Liệt
74	050074	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	23/09/2010	8.19	7.74	7.95	7.78	7.92	6.25	5.50	8.00	0.0	0.0	16.20	
75	050075	TRỊNH PHÁT ĐẠT	Nam	22/08/2010	6.14	7.31	7.34	7.04	6.96	5.75	2.75	4.00	0.0	0.0	10.84	
76	050076	BÙI MINH ĐĂNG	Nam	20/12/2010	5.78	5.86	5.65	6.61	5.98	4.00	3.50	3.25	0.0	0.0	9.32	
77	050077	ĐẶNG HẢI ĐĂNG	Nam	17/08/2010	6.14	6.46	7.08	7.01	6.67	3.25	1.00	3.25	0.0	0.0	7.25	
78	050078	NGUYỄN MINH ĐĂNG	Nam	02/12/2010	5.4	4.91	5.06	5.6	5.24	2.25	2.25	2.75	0.0	0.0	6.65	
79	050079	TRẦN MINH ĐĂNG	Nam	17/02/2010	6.58	5.94	5.68	6.44	6.16	3.50	2.50	2.75	0.0	0.0	7.97	
80	050080	TRẦN MINH ĐĂNG	Nam	25/05/2010	5.41	5	5.15	5.63	5.3	0.50	2.50	2.75	0.0	0.0	5.62	Liệt
81	050081	PHẠM TRẦN TÂN ĐỨC	Nam	30/03/2010	8.43	7.66	7.31	7.76	7.79	6.75	5.00	2.75	0.0	0.0	12.49	
82	050082	TRẦN THỊ NHUNG GẮM	Nữ	13/07/2010	8.78	8.64	8.75	9.24	8.85	6.25	6.25	7.75	0.0	0.0	16.83	
83	050083	ĐẶNG TRƯỜNG GIANG	Nam	16/05/2010	5.88	6.34	5.55	6.65	6.11	3.00	3.25	2.25	0.0	0.0	7.78	
84	050084	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	17/10/2010	6.69	6.34	6.66	6.46	6.54	4.50	2.00	2.50	0.0	0.0	8.26	
85	050085	NGUYỄN VÕ HUỶNH GIAO	Nữ	09/09/2010	6.36	6.79	7.18	6.93	6.82	4.50	4.50	5.25	0.0	0.0	12.02	
86	050086	DƯƠNG VĂN GIÀU	Nam	24/05/2010	8.39	7.96	7.35	8.04	7.94	6.50	6.50	5.00	0.0	0.0	14.98	
87	050087	LÊ NGỌC GIÀU	Nam	06/06/2010	6.11	5.39	6.09	5.54	5.78	3.75	0.00	3.75	0.0	0.0	6.98	Liệt
88	050088	THÂN HOÀNG MINH GIÀU	Nam	13/07/2010	6.36	6.79	6.75	7.35	6.81	5.00	3.50	4.00	0.0	0.0	10.79	
89	050089	ĐẶNG BÙI NGUYỄN GIÁP	Nữ	09/12/2010	7	6.84	6.75	7.89	7.12	5.75	5.50	3.75	0.0	0.0	12.64	
90	050090	ĐẶNG KHÁNH HÀ	Nữ	04/03/2010	8.31	7.7	7.56	7.33	7.73	3.50	4.00	3.00	0.0	0.0	9.67	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
91	050091	VŨ THỊ NGÂN HÀ	Nữ	25/06/2010	7.85	7.5	7.31	7.35	7.5	5.00	3.50	4.25	0.0	0.0	11.18	
92	050092	NGUYỄN MINH HẢO	Nam	01/04/2010	7.24	6.76	7.28	7	7.07	4.00	5.50	7.50	0.0	0.0	14.02	
93	050093	ROÃN VÕ NHẬT HẠ	Nữ	08/08/2010	8.55	8.01	8.43	8.11	8.28	6.25	5.25	4.75	0.0	0.0	13.86	
94	050094	NGUYỄN DUY HẠO	Nam	08/03/2010	7.69	7.13	7.65	6.53	7.25	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.18	Liệt
95	050095	ĐINH NGUYỄN THUÝ HÀNG	Nữ	13/10/2010	8.18	8.13	8.15	7.83	8.07	5.50	5.00	4.75	0.0	0.0	13.10	
96	050096	NGUYỄN THỊ CẨM HÀNG	Nữ	27/03/2010	7.13	5.99	6.15	6.1	6.34	5.75	1.75	4.25	0.0	0.0	10.13	
97	050097	PHẠM THỊ KIM HÀNG	Nữ	25/06/2010	8.21	8.66	8.34	8.03	8.31	6.42	5.75	4.00	0.0	0.0	13.81	
98	050098	DƯƠNG NGỌC HÂN	Nữ	11/04/2010	8.24	8.73	8.53	8.75	8.56	8.00	5.50	4.50	0.0	0.0	15.17	
99	050099	ĐẶNG MAI BẢO HÂN	Nữ	06/12/2010	9.16	9.09	8.91	9.04	9.05	7.25	6.00	7.00	0.0	0.0	16.89	
100	050100	HUỶNH GIA HÂN	Nữ	03/03/2010	7.74	7.81	7.7	7.89	7.79	4.50	4.00	5.75	0.0	0.0	12.31	
101	050101	NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	21/05/2010	7.66	7.53	7.48	7.31	7.5	5.50	3.25	3.50	0.0	0.0	10.83	
102	050102	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	01/08/2010	8.19	8.21	8.48	9.09	8.49	7.25	5.00	6.25	1.0	0.5	17.00	
103	050103	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	Nữ	08/07/2010	7.73	7.59	6.98	7.09	7.35	4.50	5.25	3.50	0.0	0.0	11.48	
104	050104	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	Nữ	01/06/2010	7.85	7.48	8.16	8.2	7.92	5.25	5.75	4.75	0.0	0.0	13.40	
105	050105	TRẦN GIA HÂN	Nữ	20/11/2010	8.34	7.83	8.51	8.03	8.18	6.25	4.00	4.25	0.0	0.0	12.60	
106	050106	TRỊNH GIA HÂN	Nữ	02/02/2010	8.5	8.36	7.79	7.55	8.05	5.75	4.50	2.75	0.0	0.0	11.52	
107	050107	VÕ NGỌC HÂN	Nữ	05/10/2008	6.35	6.18	5.55	5.63	5.93	2.50	0.50	2.75	0.0	0.0	5.80	Liệt
108	050108	NGUYỄN ĐĂNG HẬU	Nam	17/01/2010	5.91	7.65	8.25	7.44	7.31	4.50	5.25	2.25	0.0	0.0	10.59	
109	050109	ĐẶNG THỊ THU HIỀN	Nữ	14/06/2010	7.24	7.21	6.76	7.04	7.06	5.00	4.75	2.75	0.0	0.0	10.87	
110	050110	TRẦN THẢO HIỀN	Nữ	12/07/2010	9.21	9.14	9.08	8.93	9.09	7.75	6.75	5.50	0.0	0.0	16.73	
111	050111	BÙI TRUNG HIỂU	Nam	09/10/2010	7.3	6.38	7.18	7.56	7.11	5.50	6.00	5.25	0.0	0.0	13.86	
112	050112	ĐẶNG MINH HIỂU	Nam	06/06/2010	8.49	8.34	8.46	8.3	8.4	7.50	7.00	4.75	0.0	0.0	16.00	
113	050113	ĐẶNG TRUNG HIỂU	Nam	31/10/2010	5.43	5.28	5.59	6.31	5.65	3.50	1.75	2.75	0.0	0.0	7.30	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
114	050114	LÊ TRUNG HIẾU	Nam	06/01/2010	6.75	6.79	7.2	6.48	6.81	5.00	2.50	3.00	0.0	0.0	9.39	
115	050115	NGUYỄN ĐẶNG MINH HIẾU	Nam	28/07/2010	7.56	6.4	6.7	6.69	6.84	3.75	1.75	4.25	0.0	0.0	8.88	
116	050116	CHUNG MỸ HOA	Nữ	14/11/2010	8.5	8.14	8.6	8.7	8.49	4.42	6.75	7.75	0.0	0.0	15.79	
117	050117	ĐINH THỊ DIỆU HOÀNG	Nữ	08/01/2010	8.33	7.81	7.96	8.03	8.03	5.75	5.75	5.00	0.0	0.0	13.96	
118	050118	LÊ HUY HOÀNG	Nam	11/08/2010	6.65	7.41	7.55	7.56	7.29	5.50	1.75	3.75	0.0	0.0	9.89	
119	050119	LƯU VÕ NHẬT HOÀNG	Nam	21/01/2010	9.01	9.03	8.81	8.64	8.87	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.66	Liệt
120	050120	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	19/06/2010	6.7	7.58	7.29	6.84	7.1	3.50	0.75	2.75	0.0	0.0	7.03	Liệt
121	050121	TRẦN HOÀNG	Nam	03/06/2010	7.05	6.68	6.68	6.93	6.84	5.50	4.50	6.25	1.0	0.0	14.43	
122	050122	ĐẶNG HOÀNG HUY	Nam	18/06/2010	8.5	8.51	8.79	8.71	8.63	7.00	6.50	8.25	0.0	0.0	17.81	
123	050123	HỒ GIA HUY	Nam	25/06/2010	6.61	6.55	6.19	6.65	6.5	6.00	4.00	4.25	0.0	0.0	11.93	
124	050124	LÊ NGUYỄN NHẬT HUY	Nam	25/12/2010	7.36	6.78	7.08	6.58	6.95	3.00	0.00	3.75	0.0	0.0	6.81	Liệt
125	050125	NGUYỄN LÊ HUY	Nam	28/08/2010	5.73	5.83	5.43	6.28	5.82	4.75	3.50	2.50	0.0	0.0	9.27	
126	050126	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	14/09/2010	7.65	8.28	8.83	8.6	8.34	5.75	5.50	6.25	0.0	0.0	14.75	
127	050127	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	20/09/2009	5.24	5.1	5.31	5.21	5.22	1.75	1.25	3.50	1.0	0.0	7.12	
128	050128	TRẦN GIA HUY	Nam	21/06/2010	6.34	5.76	6.03	6.74	6.22	3.25	2.50	2.75	0.0	0.0	7.82	
129	050129	NGUYỄN DANH THỊ THANH HUYỀN	Nữ	22/04/2010	6.01	6.21	5.43	5.88	5.88	3.00	1.00	3.25	1.0	0.0	7.84	
130	050130	TRẦN NGUYỄN NHƯ HUỲNH	Nữ	17/09/2010	7.18	6.83	6.98	6.41	6.85	3.00	1.25	2.50	0.0	0.0	6.78	
131	050131	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Nam	17/12/2009	6.9	5.2	6.54	7	6.41	5.00	3.50	3.25	0.0	0.0	10.15	
132	050132	VÕ LÂM NHẬT HÙNG	Nam	25/03/2010	6.1	6.59	6.51	7.6	6.7	3.75	2.75	2.75	0.0	0.0	8.49	
133	050133	HỒ NGỌC HƯƠNG	Nữ	07/04/2010	7.31	6.88	7.31	7.44	7.24	3.50	2.75	4.25	0.0	0.0	9.52	
134	050134	NGUYỄN MAI HƯƠNG	Nữ	24/10/2010	7.05	6.7	7.29	7.63	7.17	6.00	5.00	3.75	0.0	0.0	12.48	
135	050135	VÕ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	16/10/2010	8	8.71	8.86	8.56	8.53	6.25	5.25	5.75	0.0	0.0	14.63	
136	050136	NGÔ THỊ MỸ HƯỜNG	Nữ	09/03/2010	7.83	6.5	7.13	7.24	7.18	5.25	4.25	5.00	0.0	0.0	12.30	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
137	050137	ĐÀO DUY KHANG	Nam	20/02/2010	8.45	7.94	8.04	7.79	8.06	5.00	5.00	4.00	0.0	0.0	12.22	
138	050138	ĐẶNG TUẤN KHANG	Nam	25/03/2010	6.39	6.6	6.81	6.91	6.68	3.75	3.25	4.50	0.0	0.0	10.05	
139	050139	LÊ HOÀNG BẢO KHANG	Nam	19/12/2010	8.69	8.69	8.93	9.33	8.91	8.00	6.75	8.50	0.0	0.0	18.95	
140	050140	LÊ NGUYỄN KHANG	Nam	26/09/2010	7.69	6.98	7.44	7.83	7.49	5.75	5.25	4.00	0.0	0.0	12.75	
141	050141	LÊ VĨ KHANG	Nam	16/06/2010	8.4	7.85	7.55	6.79	7.65	6.75	0.00	4.50	0.0	0.0	10.17	Liệt
142	050142	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	16/10/2010	6.68	7.1	6.59	7.14	6.88	6.00	3.75	5.75	0.0	0.0	12.91	
143	050143	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	30/12/2010	7.34	6.69	7.08	7.44	7.14	6.25	5.50	8.50	0.0	0.0	16.32	
144	050144	NGUYỄN PHÚC KHANG	Nam	09/08/2010	7.48	7.04	7.33	7.53	7.35	5.50	4.50	5.75	0.0	0.0	13.23	
145	050145	PHAN VỸ KHANG	Nam	11/03/2010	7.04	7.05	7.43	7.01	7.13	5.00	2.25	3.75	0.0	0.0	9.84	
146	050146	THI THÀNH KHANG	Nam	09/10/2010	7.79	7.66	7.94	7.91	7.83	6.75	6.50	5.00	0.0	0.0	15.12	
147	050147	TRẦN LÊ NGUYỄN KHANG	Nam	28/09/2010	5.65	5.99	5.95	6.45	6.01	4.25	4.25	2.00	0.0	0.0	9.15	
148	050148	LÊ QUỐC KHÁNH	Nam	25/07/2010	6.88	7.36	7.23	7.31	7.2	5.50	4.75	4.00	0.0	0.0	12.14	
149	050149	BÙI TẤN KHOA	Nam	01/03/2010	9.43	9.58	9.66	9.44	9.53	6.75	7.00	7.25	0.0	0.0	17.56	
150	050150	TRẦN PHẠM ĐĂNG KHOA	Nam	22/02/2010	8.66	8.5	8.78	8.13	8.52	5.50	4.50	2.50	0.0	0.0	11.31	
151	050151	BÙI NHẬT KHÔI	Nam	20/12/2010	6.58	6.78	7.05	7.66	7.02	5.25	3.50	4.00	0.0	0.0	11.03	
152	050152	HOÀNG NGỌC BẢO KHÔI	Nam	19/03/2010	7.78	7.46	7.48	7.26	7.5	5.50	4.75	7.25	0.0	0.0	14.50	
153	050153	LÊ MINH KHÔI	Nam	24/09/2010	6.05	6.16	6.1	7.13	6.36	6.25	3.50	4.00	0.0	0.0	11.53	
154	050154	NGUYỄN HOÀNG ANH KHÔI	Nam	15/05/2010	9.09	9.1	8.83	9.14	9.04	7.00	7.50	6.75	0.0	0.0	17.59	
155	050155	TRẦN ĐĂNG KHÔI	Nam	16/11/2010	7.61	7.5	8.26	7.85	7.81	5.75	6.00	6.50	0.0	0.0	15.12	
156	050156	ĐỖ TRUNG KIÊN	Nam	08/04/2010	7.49	8	8.18	8.55	8.06	6.50	6.50	8.25	0.0	0.0	17.29	
157	050157	NGUYỄN ĐỨC KIÊN	Nam	06/01/2010	6.2	6.29	6.38	5.58	6.11	4.00	0.25	5.25	0.0	0.0	8.48	Liệt
158	050158	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	02/01/2010	7.39	7.78	8.5	8.51	8.05	7.25	6.25	5.50	0.0	0.0	15.72	
159	050159	ĐỒNG GIA KIẾT	Nam	13/07/2010	7.29	6.46	6.3	6.49	6.64	6.00	3.75	4.00	0.0	0.0	11.62	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
160	050160	ĐỖ NGỌC TUẤN KIỆT	Nam	19/10/2010	8.44	8.51	8.9	9.2	8.76	5.50	5.75	9.50	0.0	0.0	17.15	
161	050161	HUỶNH QUỐC KIỆT	Nam	03/08/2010	8.85	8.25	8.5	8.44	8.51	6.25	5.50	8.00	0.0	0.0	16.38	
162	050162	NGUYỄN ANH KIỆT	Nam	07/06/2010	7.75	7.51	8.29	8.38	7.98	6.75	5.25	3.75	0.0	0.0	13.42	
163	050163	NGUYỄN TUẤN KIỆT	Nam	25/01/2010	5.64	6.06	6.23	6.5	6.11	3.75	3.25	2.75	0.0	0.0	8.66	
164	050164	DƯƠNG BẢO KỶ	Nam	16/02/2010	5.96	6.2	6.54	7.29	6.5	4.58	3.50	3.00	0.0	0.0	9.71	
165	050165	TỔNG THỊ TUỜNG LAM	Nữ	30/04/2010	7.79	7.23	7.38	7.41	7.45	5.00	2.50	4.00	0.0	0.0	10.29	
166	050166	PHẠM PHƯƠNG LÂM	Nữ	08/01/2010	8.73	8.69	8.5	8.76	8.67	7.00	8.00	6.25	0.0	0.0	17.48	
167	050167	TRẦN NHẬT LÂM	Nam	04/07/2010	6.33	6.85	6.63	6.8	6.65	5.50	2.75	4.75	0.0	0.0	11.10	
168	050168	ĐẶNG TRẦN NGỌC LÂN	Nam	04/06/2010	6.26	5.84	5.55	6.18	5.96	3.75	3.00	2.00	0.0	0.0	7.91	
169	050169	ĐÀO NGỌC LINH	Nữ	13/10/2010	8.39	8.26	8.38	8.34	8.34	6.00	5.25	5.50	0.0	0.0	14.23	
170	050170	ĐỖ THỊ NGỌC LINH	Nữ	07/10/2010	8.54	8.68	9.09	9.45	8.94	7.50	7.75	7.75	0.0	0.0	18.78	
171	050171	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LINH	Nữ	24/10/2010	8	8.16	9.01	8.38	8.39	6.00	4.50	4.75	0.0	0.0	13.19	
172	050172	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	06/06/2010	8.29	8.96	8.98	9.13	8.84	8.25	4.50	4.25	0.0	1.0	15.55	
173	050173	TRẦN HUYỀN LINH	Nữ	03/11/2010	9.28	9.25	9.08	9.18	9.2	7.50	5.75	9.25	0.0	0.0	18.51	
174	050174	TRẦN THẢO LINH	Nữ	22/09/2010	9.15	9.11	9.23	9.24	9.18	5.75	9.25	7.00	0.0	0.0	18.15	
175	050175	TRỊNH ĐĂNG LINH	Nam	06/07/2010	7.66	7.69	7.74	8.09	7.8	6.75	2.00	4.50	0.0	0.0	11.62	
176	050176	LÝ HOÀNG TIÊU LONG	Nam	28/09/2010	5.68	5.78	6.48	6.3	6.06	5.75	1.50	3.50	1.0	0.0	10.34	
177	050177	NGUYỄN PHI LONG	Nam	09/07/2010	7.19	6.91	7.4	7.94	7.36	6.75	5.75	4.25	0.0	0.0	13.93	
178	050178	VÕ ĐỨC BẢO LONG	Nam	29/03/2010	6.96	7.01	6.4	7.39	6.94	5.75	4.25	3.75	0.0	0.0	11.71	
179	050179	TRẦN NGUYỄN TẤN LỘC	Nam	30/12/2010	6.83	5.99	5.76	6.19	6.19	5.25	5.25	4.00	0.0	0.0	12.01	
180	050180	NGUYỄN VĂN LỢI	Nam	13/06/2010	6.23	5.84	6.16	7.04	6.32	5.75	6.50	4.25	0.0	0.0	13.45	
181	050181	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	28/03/2010	8.98	8.41	8.63	8.46	8.62	7.25	5.50	5.25	0.0	0.0	15.19	
182	050182	BÙI THỊ TUYẾT MAI	Nữ	09/06/2010	8.63	8.86	8.93	9.14	8.89	6.75	6.25	4.25	0.0	0.0	14.74	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
183	050183	LÊ TRƯỞNG TRÚC MAI	Nữ	07/01/2010	7.18	7.73	7.58	8.08	7.64	6.00	4.75	3.00	0.0	0.0	11.92	
184	050184	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	Nữ	09/09/2010	8.45	8.11	8.34	8.48	8.35	7.75	6.00	6.25	0.0	0.0	16.51	
185	050185	TRẦN TRỊNH XUÂN MAI	Nữ	01/04/2010	7.58	7.21	7.91	7.76	7.62	6.00	2.75	4.50	0.0	0.0	11.56	
186	050186	BÙI GIA MINH	Nam	18/02/2010	6.4	6.26	5.79	7.13	6.4	4.00	6.25	4.50	0.0	0.0	12.25	
187	050187	BÙI QUANG MINH	Nam	28/08/2008	6.95	6.29	7.06	7.59	6.97	5.75	5.25	5.50	0.0	0.0	13.64	
188	050188	VĂN THỊ QUẾ MINH	Nữ	05/06/2010	9.53	9.43	9.34	9.49	9.45	7.50	8.00	9.00	0.0	0.0	19.99	
189	050189	DƯƠNG ĐẶNG HÀ MY	Nữ	06/10/2010	6.61	6.95	6.25	6.96	6.69	4.50	4.75	1.75	0.0	0.0	9.71	
190	050190	HUỲNH THỊ NGỌC MY	Nữ	11/01/2010	7.94	7.49	7.46	8.26	7.79	7.50	5.00	2.25	0.0	0.0	12.66	
191	050191	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	Nữ	23/03/2010	7.35	6.65	7.31	7.24	7.14	6.00	4.25	5.75	0.0	0.0	13.34	
192	050192	NGUYỄN TRẦN THẢO MY	Nữ	28/02/2010	7.93	8.55	8.29	8.75	8.38	5.50	3.75	7.50	0.0	0.0	14.24	
193	050193	NGUYỄN XUÂN MY	Nữ	27/08/2010	7.41	7.46	7.25	7.59	7.43	4.50	4.00	5.25	0.0	0.0	11.85	
194	050194	PHẠM THẢO MY	Nữ	28/08/2010	8	8.04	8.38	8.11	8.13	6.00	4.25	2.50	0.0	0.0	11.36	
195	050195	VÕ HÀ MY	Nữ	27/02/2010	9.69	9.59	9.59	9.45	9.58	8.75	6.00	9.25	0.0	0.0	19.67	
196	050196	NGUYỄN HOÀN MỸ	Nữ	08/05/2010	9.68	9.68	9.55	9.11	9.51	6.75	5.25	8.00	0.0	0.0	16.85	
197	050197	NGUYỄN THỊ NGỌC MỸ	Nữ	29/06/2010	8.18	7.81	8.18	7.63	7.95	6.00	3.00	4.00	0.0	0.0	11.49	
198	050198	NGUYỄN TRẦN ANH MỸ	Nữ	17/07/2010	8.93	8.23	8.76	8.39	8.58	6.75	4.75	4.50	0.0	0.0	13.77	
199	050199	DƯƠNG HOÀI NAM	Nam	07/04/2010	7.34	5.59	6.24	6.71	6.47	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	1.94	Liệt
200	050200	ĐINH HOÀI NAM	Nam	27/06/2010	7.64	8.18	8.21	8.08	8.03	6.25	6.50	6.50	0.0	0.0	15.88	
201	050201	LÊ NGUYỄN BẢO NAM	Nam	04/07/2010	6.65	6.31	5.88	6.3	6.29	4.50	0.75	3.00	0.0	0.0	7.66	Liệt
202	050202	PHẠM HỒ BẢO NAM	Nam	10/07/2010	7.86	8.09	7.91	7.24	7.78	4.50	3.50	3.50	0.0	0.0	10.38	
203	050203	TRẦN HẠO NAM	Nam	01/05/2010	6.3	5.69	5.49	6.21	5.92	4.25	1.00	2.50	0.0	0.0	7.20	
204	050204	CAO KIM NGÂN	Nữ	13/06/2010	7.45	6.28	6.36	6.08	6.54	3.50	0.00	5.50	0.0	0.0	8.26	Liệt
205	050205	DƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN	Nữ	07/06/2010	7.39	7.79	8.08	8.86	8.03	6.25	6.00	6.00	0.0	0.0	15.18	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
206	050206	NGUYỄN HUỲNH THIÊN NGÂN	Nữ	13/08/2010	6.56	6.86	6.8	6.19	6.6	3.50	2.25	3.75	1.0	0.0	9.63	
207	050207	NGUYỄN PHẠM KIM NGÂN	Nữ	23/04/2010	8.16	8.36	8.49	8.39	8.35	5.75	4.75	5.75	0.0	0.0	13.88	
208	050208	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	Nữ	20/08/2010	7.33	7.28	7.56	8.05	7.56	6.50	3.75	2.75	0.0	0.0	11.37	
209	050209	PHAN NGUYỄN KHÁNH NGÂN	Nữ	09/01/2010	8.41	8.48	8.83	8.89	8.65	6.75	6.00	2.75	0.0	0.0	13.45	
210	050210	PHẠM KIM NGÂN	Nữ	07/08/2010	8.58	8.56	8.54	8.65	8.58	7.25	5.75	5.25	0.0	0.0	15.35	
211	050211	DƯƠNG HIẾU NGHĨA	Nam	28/09/2010	8.75	8.49	8.25	8.74	8.56	5.50	5.00	6.75	0.0	0.0	14.64	
212	050212	ĐỖ TRỌNG NGHĨA	Nam	30/03/2010	6.78	6.61	6.09	7.08	6.64	4.00	2.25	3.50	0.0	0.0	8.82	
213	050213	NGUYỄN MINH NGHĨA	Nam	23/04/2010	6.25	6.5	6.54	6.64	6.48	4.00	1.00	4.50	0.0	0.0	8.59	
214	050214	ĐOÀN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	17/12/2010	6.73	6.79	6.64	7.06	6.81	6.25	0.00	3.25	0.0	0.0	8.69	Liệt
215	050215	HUỲNH KIM BẢO NGỌC	Nữ	23/12/2010	9.3	8.86	9.39	9.31	9.22	7.25	6.00	6.00	0.0	0.0	16.24	
216	050216	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	07/02/2010	7.6	8.05	7.36	7.58	7.65	5.25	2.50	4.25	0.0	0.0	10.70	
217	050217	NGUYỄN PHẠM BẢO NGỌC	Nữ	15/01/2010	8.25	8.31	8.63	8.63	8.46	7.50	5.50	6.75	0.0	0.0	16.36	
218	050218	PHẠM THỊ BẢO NGỌC	Nữ	30/12/2009	6.9	6.69	8.34	8.06	7.5	7.25	4.75	5.75	0.0	0.0	14.68	
219	050219	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	19/05/2010	7.38	7.65	7.3	7.55	7.47	3.75	6.25	4.25	0.0	0.0	12.22	
220	050220	TRẦN ÁNH NGỌC	Nữ	24/10/2010	6.23	6.95	6.36	6.46	6.5	5.50	2.00	4.00	0.0	0.0	10.00	
221	050221	TRẦN THỊ KIM NGỌC	Nữ	22/03/2010	7.7	8.31	8.38	8.19	8.15	7.75	3.50	3.75	0.0	0.0	12.95	
222	050222	VÕ THỊ HUỲNH NGỌC	Nữ	02/03/2010	8.13	8	7.74	8.23	8.03	5.75	4.50	3.50	0.0	0.0	12.03	
223	050223	NGUYỄN TRẦN ANH NGUYỄN	Nữ	15/10/2010	6.73	6.46	6.6	6.79	6.65	7.00	4.75	5.25	0.0	0.0	13.90	
224	050224	TRẦN THỊ TÚ NGUYỄN	Nữ	19/07/2010	5.89	6.49	6.65	6.06	6.27	3.67	2.50	3.50	0.0	0.0	8.65	
225	050225	VÕ DƯƠNG TRUNG NGUYỄN	Nam	09/07/2010	7.19	6.85	7.08	6.95	7.02	5.75	3.75	5.00	0.0	0.0	12.26	
226	050226	NGUYỄN THỊ THANH NHÃ	Nữ	13/07/2010	8.33	8.2	8.14	8.2	8.22	6.25	5.25	6.50	0.0	0.0	15.07	
227	050227	ĐẶNG THÀNH NHÂN	Nam	25/11/2010	5.4	6.14	6.43	6.84	6.2	3.25	1.00	2.75	0.0	0.0	6.76	
228	050228	ĐẶNG HIỀN NHẬT	Nam	01/03/2010	7.56	7.61	7.64	8.11	7.73	6.75	6.50	4.75	0.0	0.0	14.92	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
229	050229	TRẦN MINH NHẬT	Nam	17/10/2010	7.19	7.15	7.78	8.28	7.6	7.25	6.25	6.75	0.0	0.0	16.46	
230	050230	HOÀNG TUYẾT NHI	Nữ	22/06/2010	8.4	8.39	8.13	7.43	8.09	5.75	4.00	4.75	0.0	0.0	12.58	
231	050231	LÊ NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	23/10/2010	7.46	8.11	7.58	7.29	7.61	5.25	2.50	3.25	0.0	0.0	9.98	
232	050232	NGUYỄN THỊ UYÊN NHI	Nữ	04/07/2010	7.84	7.34	6.88	6.44	7.13	4.00	0.00	2.00	0.0	0.0	6.34	Liệt
233	050233	NGUYỄN XUÂN NHI	Nữ	27/07/2010	8.31	8.04	8.16	7.95	8.12	5.50	2.00	3.25	0.0	0.0	9.96	
234	050234	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	16/09/2010	6.33	6.19	6.23	6.16	6.23	2.25	3.00	1.50	0.0	0.0	6.59	
235	050235	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	19/03/2010	6.65	6.33	5.54	6.7	6.31	3.92	4.50	3.50	0.0	0.0	10.24	
236	050236	PHẠM YẾN NHI	Nữ	22/08/2010	7.75	7.56	8.28	8.2	7.95	7.25	5.75	4.25	0.0	0.0	14.46	
237	050237	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	01/02/2010	7.4	7.45	8.2	7.76	7.7	5.75	2.50	5.75	0.0	0.0	12.11	
238	050238	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	27/12/2010	6.19	6.43	5.6	6.88	6.28	5.25	5.00	3.00	0.0	0.0	11.16	
239	050239	ĐẶNG THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	15/10/2010	7.79	7.18	7.35	7.83	7.54	6.75	3.75	2.25	0.0	0.0	11.19	
240	050240	ĐỖ QUỲNH NHƯ	Nữ	24/11/2010	7.58	7.23	7.45	7.31	7.39	7.00	6.50	4.50	0.0	0.0	14.82	
241	050241	LÂM TÂM NHƯ	Nữ	12/08/2010	7.9	7.26	6.15	7.05	7.09	5.75	4.25	3.50	0.0	0.0	11.58	
242	050242	LÊ QUỲNH NHƯ	Nữ	15/05/2010	7.8	8.36	8.5	8.43	8.27	6.25	5.00	3.50	0.0	0.0	12.81	
243	050243	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	22/09/2010	7.53	8.23	8.71	8.51	8.25	6.75	4.00	4.50	0.0	0.0	13.15	
244	050244	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	14/09/2010	7.31	8.03	8.09	7.19	7.66	5.50	2.25	3.50	0.0	0.0	10.17	
245	050245	PHAN NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	21/01/2010	6.91	7.11	6.33	5.76	6.53	1.75	1.50	4.00	0.0	0.0	7.03	
246	050246	TRẦN LÊ QUỲNH NHƯ	Nữ	21/05/2010	8.31	8.19	6.96	8.48	7.99	6.00	5.25	5.00	0.0	0.0	13.77	
247	050247	TRẦN THỊ TÂM NHƯ	Nữ	02/03/2010	8.1	8.36	7.64	8.9	8.25	7.75	6.75	4.25	0.0	0.0	15.60	
248	050248	LÊ MINH NHỰT	Nam	23/07/2010	7.65	6.63	7.25	7.34	7.22	4.50	5.75	3.50	0.0	0.0	11.79	
249	050249	NGUYỄN ANH NHỰT	Nam	08/04/2010	6.16	5.38	5.88	6.54	5.99	4.25	2.50	2.25	0.0	0.0	8.10	
250	050250	NGUYỄN VĂN NINH	Nam	18/11/2010	7.23	6.14	7.15	7.86	7.1	6.50	4.50	4.50	0.0	0.0	12.98	
251	050251	HỒ NHỰT PHÁT	Nam	17/05/2010	7.13	6.8	6.53	7.23	6.92	4.25	2.75	4.50	0.0	0.0	10.13	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
252	050252	NGÔ TIỀN PHÁT	Nam	06/11/2010	7.65	8.25	8.23	8.61	8.19	6.75	6.25	4.50	0.0	0.0	14.71	
253	050253	PHẠM NGUYỄN HỒNG PHÁT	Nam	01/11/2010	6.4	7.18	7.29	7.98	7.21	4.25	3.75	4.75	0.0	0.0	11.09	
254	050254	TÔ TẤN PHÁT	Nam	16/06/2010	6.63	6.73	6.76	7.15	6.82	6.25	3.25	6.25	0.0	0.0	13.07	
255	050255	NGUYỄN HOÀNG PHONG	Nam	14/08/2010	6.9	8.34	8	7.18	7.61	3.00	4.25	4.50	0.0	0.0	10.51	
256	050256	NGUYỄN PHẠM ĐÌNH PHONG	Nam	11/01/2010	6.79	6.86	6.3	7.04	6.75	3.75	5.75	3.25	0.0	0.0	10.95	
257	050257	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	12/06/2010	7.94	7.34	7.04	6.86	7.3	5.25	2.75	2.50	0.0	0.0	9.54	
258	050258	NGUYỄN HOÀI PHÚ	Nam	30/11/2010	6.1	6.74	6.09	6.43	6.34	3.58	4.00	2.50	0.0	0.0	8.96	
259	050259	NGUYỄN HUỲNH GIA PHÚ	Nam	29/04/2010	9.2	8.61	8.51	8.41	8.68	6.00	6.50	3.75	0.0	0.0	13.98	
260	050260	ĐẶNG HOÀNG PHÚC	Nam	15/07/2010	5.24	6.55	6.45	7.16	6.35	4.25	4.50	2.50	0.0	0.0	9.78	
261	050261	LÊ NGUYỄN THIÊN PHÚC	Nữ	08/03/2010	8.54	8.79	9.24	8.94	8.88	6.58	8.00	7.50	0.0	0.0	18.12	
262	050262	TRẦN THIÊN PHÚC	Nam	13/03/2010	7.34	7.54	8.34	8.66	7.97	7.50	6.75	7.00	0.0	0.0	17.27	
263	050263	NGÔ QUANG PHỤC	Nam	24/08/2010	5.61	6.28	6.84	6.84	6.39	5.75	4.00	5.00	0.0	0.0	12.24	
264	050264	HUỲNH DIỄM PHƯƠNG	Nữ	01/06/2010	7.63	7.41	7.15	7.29	7.37	6.25	3.75	3.25	0.0	0.0	11.49	
265	050265	MAI ĐAN PHƯƠNG	Nữ	12/03/2010	7.41	6.34	7.39	7.44	7.15	5.00	3.00	3.75	0.0	0.0	10.37	
266	050266	NGUYỄN KIỀU PHƯƠNG	Nữ	28/11/2010	7.8	7.66	7.93	7.51	7.73	4.25	2.50	2.75	0.0	0.0	8.97	
267	050267	NGUYỄN TRÚC PHƯƠNG	Nữ	29/03/2010	7.6	6.9	7.43	7.15	7.27	5.25	3.25	6.25	0.0	0.0	12.51	
268	050268	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	13/07/2010	8.35	8.01	8.36	8.19	8.23	4.25	5.50	4.25	0.0	0.0	12.27	
269	050269	TRỊNH MINH QUÍ	Nam	20/12/2010	7.38	8.39	8.63	8.95	8.34	6.75	6.75	6.75	0.0	0.0	16.68	
270	050270	NGUYỄN TẤN QUỐC	Nam	19/10/2010	8.25	6.39	6.2	6.55	6.85	2.50	2.00	3.50	0.0	0.0	7.66	
271	050271	TRỊNH THỊ TỎ QUYÊN	Nữ	17/07/2010	6.49	7.49	7.44	7.16	7.15	1.75	3.50	2.50	0.0	0.0	7.57	
272	050272	NGÔ NGUYỄN BÍCH QUYÊN	Nữ	19/05/2010	6.41	6.54	6.19	6.51	6.41	5.75	3.25	2.50	0.0	0.0	9.97	
273	050273	TRẦN KIM QUYÊN	Nữ	24/10/2010	6.34	6.46	5.51	6.6	6.23	5.50	5.25	7.75	0.0	0.0	14.82	
274	050274	ĐẶNG THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	04/11/2010	9.71	9.76	9.76	9.56	9.7	7.00	7.25	9.25	0.0	0.0	19.36	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
275	050275	ĐỖ NGỌC TÚ QUỲNH	Nữ	30/01/2010	8.7	7.74	7.56	7.53	7.88	6.50	4.50	4.50	0.0	0.0	13.21	
276	050276	PHẠM NGỌC ĐIỂM QUỲNH	Nữ	07/02/2010	8.24	7.76	7.8	7.98	7.95	6.75	5.75	4.25	0.0	0.0	14.11	
277	050277	TRẦN NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	20/12/2010	8.28	8.04	8.04	7.95	8.08	4.75	5.00	3.50	0.0	0.0	11.70	
278	050278	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	06/07/2010	6.56	8.31	8.54	7.36	7.69	2.50	4.50	2.75	0.0	0.0	9.13	
279	050279	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	17/08/2010	7.93	7.13	7.28	7.71	7.51	4.75	2.75	4.00	0.0	0.0	10.30	
280	050280	TRỊNH NHƯ QUỲNH	Nữ	23/12/2010	8.13	7.66	8.55	8.14	8.12	5.50	3.50	6.50	0.0	0.0	13.29	
281	050281	VÔ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	13/06/2010	6.46	4.99	6.48	5.71	5.91	4.00	2.50	5.50	0.0	0.0	10.17	
282	050282	NGUYỄN PHAN NGỌC QUÝ	Nữ	02/08/2010	7.19	7.05	6.79	7.3	7.08	5.75	4.75	3.75	0.0	0.0	12.10	
283	050283	NGUYỄN THANH QUÝ	Nam	03/08/2010	6.95	7.05	7.04	7.3	7.09	4.25	4.50	6.50	0.0	0.0	12.80	
284	050284	ĐOÀN QUANG SANG	Nam	06/05/2010	8.6	8.58	7.83	8.5	8.38	6.00	6.75	8.50	0.0	0.0	17.39	
285	050285	NGUYỄN VIỆT SANG	Nam	09/01/2010	7.7	8.26	8.39	8.14	8.12	5.00	5.25	5.00	0.0	0.0	13.11	
286	050286	LÝ THÀNH TÀI	Nam	26/03/2010	6.64	7.81	8.06	7.55	7.52	3.00	2.00	3.75	0.0	0.0	8.38	
287	050287	LÊ HOÀNG TÂM	Nam	02/06/2010	5.24	5.16	4.95	5.14	5.12	0.75	1.00	2.25	0.0	0.0	4.34	Liệt
288	050288	NGUYỄN THIÊN TÂM	Nam	22/05/2010	8.83	8.68	8.29	8.21	8.5	8.00	4.25	5.50	0.0	0.0	14.98	
289	050289	NGUYỄN VĨNH TÂM	Nam	12/09/2010	6	5.84	6.28	6.09	6.05	5.00	4.25	4.25	0.0	0.0	11.27	
290	050290	TRẦN THANH TÂM	Nam	07/11/2009	7.99	7.05	6.28	6.36	6.92	4.75	3.00	2.75	0.0	0.0	9.43	
291	050291	LÊ DUY TÂN	Nam	24/05/2010	8.21	7.18	5.94	6.45	6.95	5.50	3.00	2.50	0.0	0.0	9.79	
292	050292	LÊ MINH TÂN	Nam	24/05/2010	7.25	7.48	7.6	7.46	7.45	5.00	5.50	4.75	0.0	0.0	12.91	
293	050293	PHƯƠNG NGUYỄN DUY TÂN	Nam	18/12/2010	6.2	5.21	6.21	6.35	5.99	4.00	1.50	2.50	0.0	0.0	7.40	
294	050294	VÔ NGỌC TRỌNG TẤN	Nam	31/10/2010	6.55	6.36	6.75	6.95	6.65	4.75	2.50	2.75	0.0	0.0	9.00	
295	050295	TRẦN THỊ NHẬT THANH	Nữ	07/10/2010	6.38	6.1	5.9	6.11	6.12	4.50	3.00	3.00	0.0	0.0	9.19	
296	050296	PHẠM MINH THÀNH	Nam	17/05/2010	6.71	6.64	6.36	6.84	6.64	5.00	4.50	3.75	0.0	0.0	11.27	
297	050297	PHẠM VĂN THÁI	Nam	25/05/2010	6.54	6.83	6.93	6.49	6.7	2.75	2.25	3.25	0.0	0.0	7.79	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
298	050298	TRẦN QUỐC THÁI	Nam	03/01/2010	6.98	7.38	7.04	6.91	7.08	3.75	5.50	1.75	0.0	0.0	9.82	
299	050299	ĐOÀN NGỌC PHƯƠNG THẢO	Nữ	10/03/2010	7.11	7.61	7.89	7.49	7.53	5.75	4.00	3.75	0.0	0.0	11.71	
300	050300	HUỖNH THANH THẢO	Nữ	28/05/2010	7.53	6.76	7.79	7.88	7.49	5.25	4.25	6.00	0.0	0.0	13.10	
301	050301	PHẠM THỊ THANH THẢO	Nữ	28/02/2010	8	7.96	8.34	8.29	8.15	5.25	5.75	5.75	0.0	0.0	14.17	
302	050302	NGUYỄN MINH THẮNG	Nam	20/11/2009	6.05	5.7	5.99	6.35	6.02	3.00	2.75	2.25	0.0	0.0	7.41	
303	050303	LƯU MINH THIỆN	Nam	20/04/2010	6.59	5.8	7.31	6.81	6.63	4.50	4.25	3.25	0.0	0.0	10.39	
304	050304	NGUYỄN HOÀNG THIỆN	Nam	10/09/2010	8.91	9.13	8.78	8.56	8.85	7.25	5.50	8.50	0.0	0.0	17.53	
305	050305	MAI QUỐC THỊNH	Nam	30/06/2010	7.21	5.94	6.39	7.11	6.66	6.00	5.00	1.75	0.0	0.0	10.92	
306	050306	NGUYỄN HUỖNH HƯNG THỊNH	Nam	17/01/2010	5.39	5.53	5.55	5.64	5.53	2.00	3.75	2.50	0.0	0.0	7.43	
307	050307	NGUYỄN PHƯỚC THỊNH	Nam	24/08/2010	5.73	6.3	6.65	6	6.17	4.50	1.75	4.00	0.0	0.0	9.03	
308	050308	NGUYỄN QUANG THỊNH	Nam	27/02/2010	6.34	5.79	5.91	6.1	6.04	3.75	2.50	3.00	0.0	0.0	8.29	
309	050309	NGUYỄN VÕ CAO THỊNH	Nam	29/01/2010	6.11	7.19	6.55	7.11	6.74	2.75	2.50	4.00	0.0	0.0	8.50	
310	050310	NGUYỄN HOÀNG THÔNG	Nam	08/09/2010	6.6	5.89	6.44	7.63	6.64	5.25	4.50	4.25	0.0	0.0	11.79	
311	050311	NGUYỄN THỊ THƠM	Nữ	27/12/2010	8.8	7.81	7.79	8.15	8.14	6.25	5.00	3.25	0.0	0.0	12.59	
312	050312	NGUYỄN CAO PHƯƠNG THÙY	Nữ	29/05/2010	7.1	7.01	6.99	7.03	7.03	4.25	6.25	4.75	0.0	0.0	12.78	
313	050313	ĐẶNG NGỌC THÚY	Nữ	21/01/2010	7.25	7.11	7.34	7.44	7.29	5.17	5.25	3.75	0.0	0.0	12.11	
314	050314	ĐÀO ANH THƯ	Nữ	06/05/2010	9.13	9.06	9.29	9.34	9.21	7.25	7.00	10.00	0.0	0.0	19.74	
315	050315	ĐINH THỊ ANH THƯ	Nữ	25/11/2010	8.35	7.28	7.34	7.31	7.57	5.25	1.00	4.75	0.0	0.0	9.97	
316	050316	ĐỖ VƯƠNG ANH THƯ	Nữ	29/07/2010	8.68	8.96	9.08	8.83	8.89	6.75	6.75	4.75	0.0	0.0	15.44	
317	050317	HUỖNH NGUYỄN OANH THƯ	Nữ	22/07/2010	7.56	8.01	8.14	8.7	8.1	7.25	5.50	7.75	0.0	0.0	16.78	
318	050318	LÊ HỒ ANH THƯ	Nữ	19/05/2010	7.33	6.63	7.21	6.65	6.96	5.75	0.75	2.75	0.0	0.0	8.56	Liệt
319	050319	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	23/10/2010	5.61	5.6	5.49	5.9	5.65	2.75	0.00	2.25	0.0	0.0	5.20	Liệt
320	050320	PHAN THỊ ANH THƯ	Nữ	05/05/2010	7.44	7.78	8	7.64	7.72	6.00	3.25	6.00	0.0	0.0	12.99	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
321	050321	PHẠM HUỠNH ANH THƯ	Nữ	06/05/2010	7.21	8.49	8.55	8.53	8.2	6.50	4.50	6.25	0.0	0.0	14.54	
322	050322	VÕ ANH THƯ	Nữ	19/02/2010	8.53	8.61	8.14	8.78	8.52	8.00	5.50	6.50	0.0	0.0	16.56	
323	050323	VÕ MINH THƯ	Nữ	06/10/2010	8.18	8.49	8.85	8.46	8.5	6.50	4.25	4.75	0.0	0.0	13.40	
324	050324	VÕ MINH THƯ	Nữ	24/03/2010	7.54	7.35	7.46	7.89	7.56	6.75	4.75	2.25	0.0	0.0	11.89	
325	050325	VŨ THỊ KIM THƯ	Nữ	19/12/2010	8.15	7.65	7.86	7.26	7.73	6.00	3.00	3.75	0.0	0.0	11.24	
326	050326	ĐOÀN KHÁNH THY	Nữ	16/09/2010	8.28	7.43	7.84	8.31	7.97	7.00	3.25	3.75	0.0	0.0	12.19	
327	050327	NGUYỄN BẢO THY	Nữ	05/07/2010	9.04	8.83	8.39	8.98	8.81	8.25	5.75	3.75	0.0	0.0	15.07	
328	050328	NGUYỄN TRẦN ANH THY	Nữ	24/05/2010	7.89	8.04	9.04	8.49	8.37	4.50	5.00	5.25	0.0	0.0	12.84	
329	050329	ĐẶNG NGUYỄN MỸ TIÊN	Nữ	31/07/2010	6.95	7.24	7.99	7.59	7.44	4.50	4.25	3.25	0.0	0.0	10.63	
330	050330	ĐẶNG NGUYỄN THÙY TIÊN	Nữ	31/07/2010	6.86	7.1	7.88	7.41	7.31	4.50	3.75	3.75	0.0	0.0	10.59	
331	050331	LẠI NGUYỄN CẨM TIÊN	Nữ	26/08/2010	7.85	7.84	8.14	7.91	7.94	5.00	4.25	6.25	0.0	0.0	13.23	
332	050332	NGUYỄN THỊ CẨM TIÊN	Nữ	30/07/2010	7.93	6.85	6.46	7.14	7.1	4.00	3.00	3.75	0.0	0.0	9.66	
333	050333	TÔ THÙY TIÊN	Nữ	27/03/2010	8.36	8.29	8.28	7.98	8.23	4.50	4.75	4.50	0.0	0.0	12.09	
334	050334	VÕ THỊ MỸ TIÊN	Nữ	13/10/2010	7.2	6.31	7.08	6.39	6.75	4.50	1.25	2.00	0.0	0.0	7.45	
335	050335	ĐỖ HOÀNG TIÊN	Nam	27/05/2010	6.59	6.38	6.9	7.91	6.95	5.00	4.75	1.50	0.0	0.0	9.96	
336	050336	LÊ NGUYỄN ANH TIÊN	Nam	01/08/2010	8.94	8.9	9.4	9.3	9.14	7.50	9.00	7.25	0.0	1.5	20.87	
337	050337	NGÔ QUỐC TIÊN	Nam	11/10/2010	5.91	5.78	5.25	6.13	5.77	4.25	3.75	4.00	0.0	0.0	10.13	
338	050338	VÕ THÀNH TIÊN	Nam	06/06/2010	7.21	7.18	7.61	8.1	7.53	6.00	6.00	3.50	0.0	0.0	13.11	
339	050339	PHAN THANH TÍNH	Nam	19/06/2010	5.88	5.39	5.2	5.8	5.57	3.75	2.50	3.50	0.0	0.0	8.50	
340	050340	ĐẶNG THÁI TOÀN	Nam	15/12/2010	5.7	5.43	5.36	5.09	5.4	2.75	0.00	4.25	0.0	0.0	6.52	Liệt
341	050341	LÝ VIỆT TOÀN	Nam	02/11/2010	6.6	6.25	5.33	6.09	6.07	5.00	3.00	4.00	0.0	0.0	10.22	
342	050342	ĐẶNG TRẦN THỊ THÙY TRANG	Nữ	05/04/2010	7.54	7.79	7.68	7.6	7.65	6.75	3.75	6.25	0.0	0.0	14.02	
343	050343	NGUYỄN NGỌC YẾN TRANG	Nữ	28/06/2010	7.11	6.16	6.18	6.58	6.51	4.92	3.50	1.75	0.0	0.0	9.07	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
344	050344	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	10/12/2010	6.18	7.06	7.36	7.06	6.92	5.50	Vắng	Vắng	0.0	0.0	5.93	Liệt
345	050345	NGUYỄN THỊ YẾN TRANG	Nữ	26/01/2010	7.7	7.89	7.98	8.69	8.07	7.75	4.75	5.75	0.0	0.0	15.20	
346	050346	CAO THỊ THANH TRÀ	Nữ	10/09/2010	6.1	6.39	6.66	6.6	6.44	3.75	1.25	2.25	0.0	0.0	7.01	
347	050347	LƯƠNG THỊ THANH TRÀ	Nữ	17/02/2010	8.4	8.6	8.6	8.09	8.42	6.50	3.75	6.50	0.0	0.5	14.75	
348	050348	NGUYỄN NGỌC THANH TRÀ	Nữ	25/10/2010	6.54	7.31	7.78	6.95	7.15	4.00	2.50	4.75	0.0	0.0	10.02	
349	050349	TÔ PHƯƠNG TRÀ	Nữ	13/11/2010	7.54	7.58	7.5	7.01	7.41	4.75	1.75	6.25	0.0	0.0	11.15	
350	050350	ĐẶNG NGỌC TRÂM	Nữ	02/01/2010	7.36	6.53	6.16	6.66	6.68	2.75	5.00	3.75	0.0	0.0	10.05	
351	050351	HỒ THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	30/06/2010	7.21	6.95	8.23	8.36	7.69	6.33	5.75	3.50	0.0	0.0	13.21	
352	050352	LÊ VÕ NGỌC TRÂM	Nữ	27/04/2010	9.54	9.34	9.44	9.13	9.36	6.25	8.25	5.75	0.0	0.0	16.98	
353	050353	LÝ THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	13/01/2010	5.75	5.26	6.19	6.21	5.85	3.50	1.00	4.50	0.0	0.0	8.06	
354	050354	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRÂM	Nữ	15/06/2010	7.08	7.21	7.31	7.19	7.2	4.75	1.25	3.00	0.0	0.0	8.46	
355	050355	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	18/11/2010	8.09	7.95	7.63	8.14	7.95	3.75	5.50	6.00	0.0	0.0	13.06	
356	050356	PHAN QUỲNH TRÂM	Nữ	31/03/2010	8.3	8.43	8.46	8.66	8.46	5.75	6.50	8.00	0.0	0.0	16.71	
357	050357	PHẠM NGỌC TRÂM	Nữ	24/12/2010	6.65	7.53	7.43	7	7.15	5.50	1.50	3.50	0.0	0.0	9.50	
358	050358	PHẠM THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	05/02/2010	7.51	7.29	8.03	7.51	7.59	5.50	4.75	4.25	0.0	0.0	12.43	
359	050359	TĂNG THÁI BÍCH TRÂM	Nữ	25/11/2010	6.8	7.51	7.29	7.25	7.21	5.00	5.25	4.25	0.0	0.0	12.31	
360	050360	LƯU ĐẶNG NGỌC TRÂN	Nữ	03/01/2010	7.23	7.48	7.95	7.95	7.65	5.50	6.75	6.00	0.0	0.0	15.07	
361	050361	VÕ THỊ QUẾ TRÂN	Nữ	19/02/2010	8.43	8.43	8.88	8.03	8.44	3.50	2.00	3.00	0.0	0.0	8.48	
362	050362	LÊ HẢI TRIỀU	Nữ	01/03/2010	9.63	9.5	9.69	9.54	9.59	6.50	8.25	9.25	0.0	0.0	19.68	
363	050363	BÙI MINH TRIẾT	Nam	31/07/2010	6.09	5.89	5.74	6.09	5.95	4.75	3.25	4.50	0.0	0.0	10.54	
364	050364	LÊ MINH TRIỆU	Nam	13/12/2010	8.79	8.49	8.36	8.48	8.53	5.00	6.25	4.50	0.0	0.0	13.58	
365	050365	PHẠM THỊ YẾN TRINH	Nữ	10/02/2010	7.53	7.79	7.15	7.69	7.54	5.50	4.50	3.25	0.0	0.0	11.54	
366	050366	TRỊNH THỊ MỸ TRINH	Nữ	28/11/2010	6.26	6.65	7.39	6.98	6.82	5.25	1.50	3.75	0.0	0.0	9.40	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
367	050367	NGUYỄN CAO TRÍ	Nam	07/08/2010	6.36	7.35	8.16	7.79	7.42	5.25	4.50	4.25	0.0	0.0	12.03	
368	050368	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	Nam	04/03/2010	7.78	7.61	7.09	7.56	7.51	5.25	4.75	3.75	0.0	0.0	11.88	
369	050369	PHAN HOÀI NHẬT TRÍ	Nam	31/01/2010	7.84	6.86	7.45	7.83	7.5	6.25	4.75	2.75	0.0	0.0	11.88	
370	050370	MAI NGUYỄN BẢO TRỌNG	Nam	08/09/2010	6.5	6.95	7.04	6.64	6.78	4.00	6.00	4.00	0.0	0.0	11.83	
371	050371	VÕ NGUYỄN HOÀI TRỌNG	Nam	02/06/2010	7.16	7.31	8.06	7.61	7.54	6.50	3.50	6.75	0.0	0.0	13.99	
372	050372	BÙI QUỐC TRUNG	Nam	22/06/2010	6.94	6.45	6.64	7.23	6.82	6.00	4.00	4.50	0.0	0.0	12.20	
373	050373	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	02/10/2010	6.54	6.05	6.28	6.31	6.3	4.50	0.50	3.00	0.0	0.0	7.49	Liệt
374	050374	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	09/01/2010	5.79	5.78	6.66	5.69	5.98	5.50	2.25	3.25	0.0	0.0	9.49	
375	050375	VÕ QUỐC TRUNG	Nam	21/09/2010	8.86	9.05	8.89	8.28	8.77	6.75	4.25	3.25	0.0	0.0	12.61	
376	050376	BÙI THỊ THANH TRÚC	Nữ	21/05/2010	7.6	6.31	6.7	6.71	6.83	5.00	2.50	4.00	0.0	0.0	10.10	
377	050377	HUỲNH THỊ THANH TRÚC	Nữ	13/06/2010	8.29	8.66	8.69	9.01	8.66	6.25	5.00	5.25	0.0	0.0	14.15	
378	050378	NGUYỄN HÀ THANH TRÚC	Nữ	02/03/2010	6.71	6.55	7.28	7.03	6.89	4.50	2.50	3.50	0.0	0.0	9.42	
379	050379	NGUYỄN THỊ ĐIỂM TRÚC	Nữ	25/09/2010	5.83	5.36	5.33	6.55	5.77	4.00	0.75	4.50	0.0	0.0	8.21	Liệt
380	050380	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	03/06/2010	7.98	7.75	7.81	7.44	7.75	4.50	4.00	2.50	0.0	0.0	10.03	
381	050381	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	18/07/2010	7.49	7.26	6.5	7.06	7.08	3.75	2.75	3.75	0.0	0.0	9.30	
382	050382	NGUYỄN THỊ THU TRÚC	Nữ	08/11/2010	6.46	6.6	6.41	6.33	6.45	1.50	1.50	3.00	0.0	0.0	6.14	
383	050383	VÕ HUỲNH THANH TRÚC	Nữ	23/08/2010	7.28	6.76	6.41	7.96	7.1	6.25	4.00	5.00	0.0	0.0	12.81	
384	050384	VÕ THANH TRÚC	Nữ	14/01/2010	7.83	8.05	8.51	7.94	8.08	5.00	3.00	2.75	0.0	0.0	9.95	
385	050385	DƯƠNG VŨ TRƯỜNG	Nam	14/03/2010	7.99	7.5	8.4	8.03	7.98	5.25	4.00	5.00	0.0	0.0	12.37	
386	050386	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	Nam	23/03/2010	7.23	6.18	6.74	6.3	6.61	1.00	3.50	2.25	0.0	0.0	6.71	
387	050387	NGUYỄN THANH TUẤN	Nam	30/11/2010	6.64	7.25	6.58	6.98	6.86	3.50	5.00	2.50	0.0	0.0	9.76	
388	050388	TRẦN THANH TUẤN	Nam	01/01/2010	6.48	6.73	6.85	7.05	6.78	4.50	5.00	5.25	0.0	0.0	12.36	
389	050389	NGUYỄN TRẦN KIỀU TUYÊN	Nữ	21/03/2010	8.13	7.29	7.81	8.16	7.85	6.00	4.50	3.75	0.0	0.0	12.33	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
390	050390	NGÔ BÍCH TUYỀN	Nữ	17/02/2010	8.93	8.8	8.88	8.61	8.81	7.33	6.25	4.50	0.0	0.0	15.30	
391	050391	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYỀN	Nữ	02/05/2010	7.69	7.81	8.54	8.84	8.22	6.50	5.50	4.75	0.0	0.0	14.19	
392	050392	HUỖNH SƠN TÙNG	Nam	15/08/2009	7.4	6.7	5.8	5.4	6.33	3.50	1.50	2.25	0.0	0.0	6.97	
393	050393	ĐẶNG THANH TÚ	Nam	25/02/2010	7.59	7.38	7.23	6.96	7.29	4.00	4.00	3.00	0.0	0.0	9.89	
394	050394	LÊ THANH TÚ	Nam	09/03/2009	5.68	5.08	5.16	6.06	5.5	3.00	0.50	3.50	0.0	0.0	6.55	Liệt
395	050395	NGUYỄN NGÔ THỊ CẨM TÚ	Nữ	05/02/2010	6.93	6.76	7.46	7.4	7.14	5.50	4.00	3.50	0.0	0.0	11.24	
396	050396	PHẠM QUANG TÚ	Nam	02/05/2010	6.68	5.9	5.41	6.23	6.06	4.00	2.75	3.50	0.0	0.0	8.99	
397	050397	TRẦN THỊ CẨM TÚ	Nữ	08/04/2010	5.49	6.09	6.59	6.31	6.12	3.50	0.00	2.00	0.0	0.0	5.69	Liệt
398	050398	TRẦN NHẬT TUÔNG	Nam	12/11/2010	6.19	5.45	5.55	5.95	5.79	4.50	2.75	3.50	0.0	0.0	9.26	
399	050399	LƯU NGỌC PHƯƠNG UYÊN	Nữ	20/05/2010	7.14	7.95	7.94	7.59	7.66	5.50	4.75	2.75	0.0	0.0	11.40	
400	050400	ĐỖ NGỌC UYÊN	Nữ	21/04/2010	8.16	7.71	7.94	7.55	7.84	6.00	2.75	3.75	0.0	0.0	11.10	
401	050401	NGÔ THANH VÂN	Nữ	22/09/2010	6.96	6.3	6.96	6.4	6.66	4.50	4.00	2.75	0.0	0.0	9.87	
402	050402	HUỖNH NHẬT PHƯƠNG VI	Nữ	19/09/2010	8.1	7.23	7.04	7.76	7.53	6.50	5.25	3.50	0.0	0.0	12.93	
403	050403	PHẠM NGỌC ĐAN VI	Nữ	08/11/2010	7.59	7.49	6.68	6.94	7.18	5.00	0.75	3.50	0.0	0.0	8.63	Liệt
404	050404	NGUYỄN CÔNG VINH	Nam	19/06/2010	7.01	6.79	7.14	6.61	6.89	3.25	2.25	3.75	0.0	0.0	8.54	
405	050405	NGUYỄN THÀNH VINH	Nam	12/10/2010	8.13	7.25	6.85	7.08	7.33	5.25	2.00	2.75	0.0	0.0	9.20	
406	050406	NGUYỄN TRÍ VINH	Nam	12/06/2010	7.06	5.81	5.68	6.03	6.15	3.00	3.00	2.50	0.0	0.0	7.80	
407	050407	VÕ GIA VĨ	Nam	04/12/2010	6.26	6.13	7.16	6.81	6.59	4.50	1.75	7.25	0.0	0.0	11.43	
408	050408	TRƯƠNG ANH VŨ	Nam	02/07/2010	7.23	7.68	8.21	7.55	7.67	6.50	4.25	4.00	0.0	0.0	12.63	
409	050409	ĐỒNG THỊ THÚY VY	Nữ	19/02/2010	7.19	7.98	7.33	7.39	7.47	4.00	3.00	4.50	0.0	0.0	10.29	
410	050410	LÊ NGỌC TUÔNG VY	Nữ	09/06/2010	9.4	9.16	9.6	8.93	9.27	6.50	6.00	6.00	0.0	0.0	15.73	
411	050411	LÊ THỊ TUÔNG VY	Nữ	09/04/2010	6.96	7.2	6.64	7.1	6.98	4.75	4.00	2.00	0.0	0.0	9.62	
412	050412	LÊ THỊ TUÔNG VY	Nữ	12/06/2010	6.51	6.34	5.89	6.25	6.25	4.25	3.50	3.00	0.0	0.0	9.40	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
413	050413	NGUYỄN BẢO VY	Nữ	27/01/2010	8.31	7.59	7.83	8.43	8.04	7.25	4.00	4.00	0.0	0.0	13.09	
414	050414	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH VY	Nữ	13/02/2010	7.16	8	8.31	8.48	7.99	5.75	6.25	8.00	0.0	0.0	16.40	
415	050415	NGUYỄN LÊ TƯỜNG VY	Nữ	29/04/2010	6.16	6.21	7.08	7.46	6.73	5.00	3.25	4.75	0.0	0.0	11.12	
416	050416	NGUYỄN NGỌC CẨM VY	Nữ	16/01/2009	7.38	6.9	7.13	7.73	7.29	6.25	5.00	3.50	0.0	0.0	12.51	
417	050417	NGUYỄN THỊ THANH VY	Nữ	14/01/2010	7.78	8.24	8.48	8.43	8.23	5.00	3.50	5.75	0.0	0.0	12.44	
418	050418	NGUYỄN TRẦN HỒNG VY	Nữ	13/09/2010	7	7.31	6.73	7.29	7.08	6.50	3.75	6.75	0.0	0.0	14.02	
419	050419	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	04/03/2010	8.06	6.4	6.34	6.86	6.92	6.25	3.25	2.00	0.0	0.0	10.13	
420	050420	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	28/03/2010	7.13	7.86	7.33	7.54	7.47	4.00	3.50	3.00	0.0	0.0	9.59	
421	050421	TRẦN NGỌC TUYẾT VY	Nữ	11/11/2010	5.73	5.94	5.63	6.33	5.91	4.25	2.75	3.25	0.0	0.0	8.95	
422	050422	TRẦN NGUYỄN KHÁNH VY	Nữ	06/05/2010	8.35	8	8.71	8.79	8.46	6.25	6.50	6.25	0.0	0.0	15.84	
423	050423	TRẦN PHẠM TƯỜNG VY	Nữ	09/09/2010	6.84	7.23	6.91	7.11	7.02	5.75	4.00	5.00	0.0	0.0	12.43	
424	050424	TRẦN PHƯƠNG VY	Nữ	23/02/2010	8.63	8.48	8.66	8.95	8.68	6.00	5.00	8.50	0.0	0.0	16.25	
425	050425	TRẦN THỊ KIỀU VY	Nữ	13/05/2010	8.83	8.36	8.34	7.35	8.22	6.17	3.25	5.00	0.0	0.0	12.56	
426	050426	VÕ NGỌC THẢO VY	Nữ	05/02/2010	7.65	6.31	5.69	6.65	6.58	4.00	5.00	4.00	0.0	0.0	11.07	
427	050427	VÕ TRẦN TƯỜNG VY	Nữ	18/02/2010	8.99	8.74	7.65	8.49	8.47	7.00	6.00	6.25	0.0	0.0	16.02	
428	050428	DƯƠNG TRIỀU VỸ	Nam	08/10/2010	5.33	5.44	6.15	6.13	5.76	2.25	0.50	3.25	0.0	0.0	5.93	Liệt
429	050429	NGUYỄN NGỌC VỸ	Nam	07/12/2010	8.41	8.55	8.39	8.31	8.42	6.25	6.00	7.25	0.0	0.0	16.18	
430	050430	NGUYỄN TUẤN VỸ	Nam	02/02/2009	8.2	7.5	7.3	7.5	7.63	5.50	3.50	2.50	0.0	0.0	10.34	
431	050431	PHÙNG THẾ VỸ	Nam	08/03/2010	8.18	8.05	7.21	7.43	7.72	4.25	2.50	1.75	0.0	0.0	8.27	
432	050432	NGUYỄN NGỌC ÁI XUÂN	Nữ	01/11/2010	8.13	8.24	7.95	8.68	8.25	6.50	4.75	4.25	0.0	0.0	13.33	
433	050433	DƯƠNG THU YẾN	Nữ	20/12/2010	7.75	8.16	8.09	8.19	8.05	6.50	4.25	3.50	0.0	0.0	12.39	
434	050434	NGÔ THỊ KIM YẾN	Nữ	22/11/2010	6.8	6.96	7.73	7.81	7.33	5.50	3.00	4.50	0.0	0.0	11.30	
435	050435	PHẠM ĐỖ HẢI YẾN	Nữ	19/10/2010	7.83	7.63	8.2	8.15	7.95	6.75	5.50	4.50	0.0	0.0	14.11	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
436	050436	LÂM ĐẶNG NHƯ Ý	Nữ	23/07/2010	6.28	6.84	6.71	7.6	6.86	5.75	4.00	3.00	0.0	0.0	10.98	
437	050437	NGUYỄN DƯƠNG NHƯ Ý	Nữ	22/05/2009	7.79	7.61	7.31	7.5	7.55	5.25	1.75	2.75	0.0	0.0	9.09	
438	050438	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	08/04/2010	8.1	8.16	8.4	8.28	8.24	5.50	5.75	3.75	0.0	0.0	12.97	
439	050439	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	20/11/2010	5.89	6.31	7.11	6.6	6.48	3.50	0.00	2.75	0.0	0.0	6.32	Liệt
440	050440	UNG NGỌC NHƯ Ý	Nữ	16/04/2010	7.58	6.96	7.35	6.59	7.12	5.50	1.50	3.75	0.0	0.0	9.66	

Danh sách này có 440 thí sinh/

Cán bộ in


Trần Ngọc Linh

Cán bộ soát điểm


Võ Thuý Trang

Tây Ninh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI


(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)
Phan Minh Tùng